

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/DS-ST
Ngày 11/02/2025
“V/v tranh chấp hợp đồng dân
sự về vay và cầm cố tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lư Quốc Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Văn Tám**

2. Bà **Hà Thị Lệ Thi**

*- Thư ký phiên tòa: Bà **Thị Thúy Kiều** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Cao Thế Lĩnh** - Kiểm sát viên*

Trong các ngày 20 tháng 12 năm 2024 và ngày 11 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 133/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về vay và cầm cố tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2024; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 15/2024/QĐST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2024 và Thông báo thời gian mở lại phiên tòa ngày 04 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Phạm Hữu T**, sinh năm 1984. *(Có mặt)*

Địa chỉ: Ấp CN A, xã TY, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh **Trần Văn D**, (tên gọi khác T) sinh năm 1981 *(Có mặt tại phiên tòa ngày 20/12/2024, xin vắng mặt phiên tòa ngày 11/02/2025)*

Địa chỉ: Ấp CS, xã AMB, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/10/2024 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Phạm Hữu T trình bày và yêu cầu như sau:

Vào ngày 05/9/2024, anh có thỏa thuận cho anh Trần Văn D vay số tiền là 22.000.000đ, thời hạn vay là 30 ngày, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, lãi thanh toán trễ là 1%/tháng, với mục đích là vay tiêu dùng, phương thức giải ngân bằng tiền mặt.

Khi vay anh D cố cầm lại cho anh 01 chiếc xe máy FUTURERI, biển số 68L1-282.53, cùng với giấy tờ xe và cam đoan tài sản chiếc xe máy nêu trên thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh D.

Anh D cam kết thanh toán gốc lãi đúng hạn vào ngày 05/10/2024, cam kết dùng toàn bộ tài sản và thu nhập của anh D để thanh toán cho số tiền vay. Tuy nhiên đến hạn thanh toán thì anh D không thực hiện đúng theo thỏa thuận và cũng không đóng lãi hay trả tiền vốn cho anh.

Theo nội dung khởi kiện anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh D phải trả hết số tiền vay nợ gốc là 22.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày vay + 1%/tháng đối với lãi suất chậm trả và toàn bộ tiền lãi phát sinh đến ngày thanh toán hết nợ gốc.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh D phải trả hết số tiền vay nợ gốc là 22.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ việc. Thời gian anh yêu cầu anh D thanh toán số tiền nợ trên trong vòng 01 tháng.

Đối với chiếc xe máy FUTURERI, biển số 68L1-282.53, cùng với giấy tờ xe thì anh đồng ý trả lại cho anh D khi anh D thanh toán nợ xong, nếu anh D không trả nợ cho anh thì anh đề nghị Tòa án xử lý chiếc xe đã cầm cố để thanh toán nợ cho anh theo quy định của pháp luật.

- Bị đơn anh Trần Văn D trình bày:

Anh không đồng ý theo yêu cầu của anh Phạm Hữu T. Anh cho rằng anh không thỏa thuận vay tiền của anh T mà là anh cầm xe cho anh T đến nay anh không còn khả năng thanh toán để chuộc xe lại nên anh đồng ý giao cho anh T được quyền sở hữu và định đoạt chiếc xe máy anh đã cầm cho anh T để thu hồi nợ.

Anh xác định chữ ký trong hợp đồng cho vay là chữ ký của anh nhưng chỉ đồng ý ở Điều 2 là cầm cố xe chứ không phải là vay tiền.

Tại phiên tòa:

Anh Phạm Hữu T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Trần Văn D phải trả hết số tiền nợ vay gốc là 22.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay cho đến ngày xét xử hôm nay là 05 tháng 06 ngày, anh yêu cầu tính lãi tròn 05 tháng, 06 ngày lãi anh đồng ý bớt cho anh D.

Đối với chiếc xe máy FUTURERI, biển số 68L1-282.53, cùng với giấy tờ xe thì anh T đồng ý trả lại cho anh D khi anh D thanh toán nợ xong. Trường hợp, anh Trần Văn D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì anh T đề nghị xử lý tài sản cầm cố là chiếc xe nêu trên để trả nợ cho anh T, nếu xử lý tài sản cầm cố mà không đủ để trả tiền nợ thì anh D còn tiếp tục trả đủ số tiền nợ cho anh T còn nếu như phát mãi tài sản thế chấp mà sau khi thanh toán nợ cho anh T còn thừa tiền lại thì anh T đồng ý trả tiền thừa này cho anh D.

Chiếc xe máy FUTURERI, biển số 68L1-282.53 cùng với giấy tờ xe, hiện anh đang quản lý.

Tại phiên tòa ngày 20 tháng 12 năm 2024, anh Trần Văn D trình bày là anh không có vay tiền của anh T mà anh chỉ cầm chiếc xe máy hiệu FUTURERI, biển số 68L1-282.53 cho anh T để nhận số tiền 22.000.000đ nay anh không có khả năng chuộc lại xe nên anh đồng ý giao chiếc xe cho anh T toàn quyền định đoạt để cân trừ vào số tiền mà anh đã nhận của anh T.

Chiếc xe máy hiệu FUTURERI, biển số 68L1-282.53 là của anh mua lại ở tiệm cầm đồ Thảo Vy ở ấp DVD để sử dụng.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thì Thẩm phán đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) và Thư ký đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Về phần nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Xét mối quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự, nơi bị đơn cư trú tọa lạc trên địa phận hành chính của huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Văn D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa ngày 11/02/2025, xét thấy việc bị đơn đề nghị vắng mặt trong phiên xét xử là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên căn cứ khoản 2 Điều 227,

Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, HĐXX chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Về quan hệ pháp luật: Xét yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Hữu T đối với anh Trần Văn D là tranh chấp hợp đồng vay và cầm cố tài sản, giao dịch được xác lập vào ngày 05 tháng 9 năm 2024 nên quan hệ tranh chấp trên được điều chỉnh theo quy định tại các Điều 463, 309 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung vụ án: Anh Phạm Hữu T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Trần Văn D trả số tiền vay là 22.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay là ngày 05/9/2024 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ việc. Khi anh D trả nợ xong anh T đồng ý giao trả lại cho anh D tài sản cầm cố là chiếc xe máy FUTURERI, biển số 68L1-282.53, cùng với giấy tờ xe. Trường hợp, anh Trần Văn D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì anh T đề nghị xử lý tài sản cầm cố là chiếc xe nêu trên để trả nợ cho anh T, nếu xử lý tài sản cầm cố mà không đủ để trả tiền nợ thì anh D còn tiếp tục trả đủ số tiền nợ cho anh T còn nếu như phát mãi tài sản cầm cố mà sau khi thanh toán nợ cho anh T còn thừa tiền lại thì anh T đồng ý trả tiền thừa này cho anh D.

Anh D không đồng ý theo yêu cầu của anh T mà cho rằng anh không có thỏa thuận vay tiền của anh T mà là anh cầm xe cho anh T để nhận số tiền 22.000.000đ đến nay anh không còn khả năng chuộc xe lại nên anh đồng ý giao cho anh T được quyền sở hữu và định đoạt chiếc xe máy anh đã cầm cho anh T để thu hồi nợ.

Xét yêu cầu của nguyên đơn, lời trình bày của bị đơn và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cụ thể là hợp đồng cho vay số 01/2024 ngày 05/9/2024 giữa anh Phạm Hữu T và anh Trần Văn D. Theo nội dung hợp đồng này thấy rằng anh Trần Văn D có thỏa thuận vay của anh Phạm Hữu T số tiền là 22.000.000đ, thời hạn vay là 30 ngày, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, lãi thanh toán trễ là 1%/tháng, với mục đích là vay tiêu dùng, phương thức giải ngân bằng tiền mặt.

Khi vay anh D có cầm cố cho anh T 01 chiếc xe máy FUTURERI, biển số 68L1-282.53, cùng với giấy tờ xe và hai bên cũng có thỏa thuận xử tài sản cầm cố nếu như anh D không trả được hết nợ cho anh T.

Do anh Trần Văn D không thực hiện trả tiền vay theo hợp đồng đã thỏa thuận nên anh Phạm Hữu T khởi kiện anh Trần Văn D

Anh Trần Văn D thừa nhận chữ ký trong hợp đồng trên là chữ ký của anh D nhưng anh D không đồng ý với nội dung là anh có vay tiền của anh T mà xác định là

anh chỉ cầm chiếc xe máy hiệu FUTURERI, biển số 68L1-282.53 cho anh T với số tiền là 22.000.000đ nay anh không còn khả năng chuộc lại nên giao xe cho anh T toàn quyền xử lý.

Mặc dù anh Trần Văn D không đồng ý nội dung là có vay tiền của anh T số tiền 22.000.000đ và cầm cố chiếc xe máy hiệu FUTURERI, biển số 68L1-282.53 để đảm bảo thanh toán cho số tiền vay này mà chỉ xác định là cầm xe cho anh T nay không còn khả năng chuộc lại nên giao xe cho anh T toàn quyền xử lý chiếc xe máy hiệu FUTURERI, biển số 68L1-282.53, anh không đồng ý trả tiền vay theo yêu cầu của anh T.

Tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và lời thừa nhận của anh D về việc ký tên vào hợp đồng số 01/2024 ngày 05/9/2024, có cơ sở để xác định là anh Trần Văn D có thỏa thuận vay của anh Phạm Hữu T số tiền là 22.000.000đ và cầm cố chiếc xe máy hiệu FUTURERI, biển số 68L1-282.53 để đảm bảo thanh toán cho khoản vay trên thể hiện ở Điều 1 và 2 của hợp đồng. Theo nội dung thỏa thuận của hợp đồng này thì anh D đã vi phạm thời gian thanh toán, vì vậy cần xem xét xét buộc anh D trả cho anh T số tiền vay gốc 22.000.000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Số tiền lãi mà anh D phải thanh toán cho anh T theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay là 05/9/2024 đến ngày xét xử 11/02/2025 là 05 tháng 06 ngày, ghi nhận ý kiến của anh T yêu cầu tính lãi tròn 05 tháng.

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 468 thì mức lãi suất sẽ là 20%/năm, tương ứng với 1,66%/tháng và số tiền lãi cụ thể anh D phải trả cho anh T là $1,66\%/tháng \times 05 \text{ tháng} \times 22.000.000đ = 1.826.000đ$ (Một triệu tám trăm hai mươi sáu ngàn đồng).

Tổng cộng số tiền gốc và lãi anh Trần Văn D phải thanh toán cho anh Phạm Hữu T là 23.826.000đ (Hai mươi ba triệu, tám trăm hai mươi sáu ngàn đồng).

- Về xử lý tài sản cầm cố để đảm bảo thanh toán khoản vay:

Theo nội dung thỏa thuận tại Điều 2 của hợp đồng số 01/2024 ngày 05/9/2024 thể hiện nếu anh Trần Văn D không thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay thì anh T có quyền yêu cầu xử lý tài sản cầm cố là phát mãi để thu hồi nợ và nếu xử lý tài sản cầm cố mà thanh toán không đủ số tiền nợ vay thì anh D còn tiếp tục phải trả nợ cho anh T. Căn cứ theo thỏa thuận này, HĐXX thống nhất chấp nhận yêu cầu của anh T về xử lý tài sản cầm cố để đảm bảo thanh toán nợ.

Đối với tài sản cầm cố là chiếc xe máy hiệu FUTURERI, biển số 68L1-282.53, mặc dù không do anh Trần Văn D đứng tên chính chủ nhưng qua xác minh biết được là anh Trần Văn D đã mua lại chiếc xe này hợp pháp và không có ai tranh chấp nên tài sản cầm cố này anh T có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ. Khi thỏa thuận cho vay và cầm cố xe đối với anh D, anh Phạm Hữu T đã có thực hiện việc đăng ký kinh doanh đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Từ nhận định và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất buộc anh Trần Văn D có trách nhiệm trả cho anh Phạm Hữu T số tiền nợ vay gốc và lãi tổng cộng là 23.826.000đ (Hai mươi ba triệu, tám trăm hai mươi sáu ngàn đồng).

Khi anh D trả nợ xong, anh T có trách nhiệm giao trả lại cho anh D tài sản cầm cố là chiếc xe máy FUTURERI, biển số 68L1-282.53, cùng với giấy tờ xe. Trường hợp, anh Trần Văn D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì anh T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành dân sự phát mãi tài sản cầm cố là chiếc xe nêu trên để trả nợ cho anh T, nếu xử lý tài sản cầm cố mà không đủ để trả tiền nợ thì anh D còn tiếp tục trả đủ số tiền nợ cho anh T còn nếu như phát mãi tài sản cầm cố mà sau khi thanh toán nợ cho anh T xong còn thừa tiền lại thì anh D được nhận tiền thừa theo quy định của pháp luật thi hành án dân sự.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn anh Trần Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $23.826.000đ \times 5\% = 1.191.300đ$, làm tròn là 1.191.000đ (Một triệu một trăm chín mươi một ngàn đồng).

Anh Phạm Hữu T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 550.000đ (Năm trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000738 ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ từ các Điều 309 đến Điều 316, Điều 463, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 26, 39, 94, 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, 273 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Hữu T đối với anh Trần Văn D (tên gọi khác Tý) về tranh chấp hợp đồng dân sự về vay và cầm cố tài sản

2. Buộc anh Trần Văn D trả cho anh Phạm Hữu T số tiền nợ vay gốc và lãi tổng cộng là 23.826.000đ (Hai mươi ba triệu, tám trăm hai mươi sáu ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Xử lý tài sản cầm cố: Khi Trần Văn D trả nợ xong, anh Phạm Hữu T có trách nhiệm giao trả lại cho anh Trần Văn D tài sản cầm cố là chiếc xe máy FUTURERI, biển số 68L1-282.53, số khung RLHJC7659MY009424, số máy JC90E0108895, màu sơn: Xanh, nâu, đen do Công an huyện U Minh Thượng cấp ngày 18/3/2021, ghi tên chủ xe Nguyễn Thanh Phong 1988, địa chỉ: ấp Minh Tiến, xã Minh Thuận, huyện U Minh, tỉnh Kiên Giang (xe đã qua sử dụng) cùng với Bản chính Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy nêu trên.

Trường hợp, anh Trần Văn D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì anh Phạm Hữu T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành dân sự phát mãi tài sản cầm cố là chiếc xe nêu trên để trả nợ cho anh T, nếu xử lý tài sản cầm cố mà không đủ để trả tiền nợ thì anh D còn phải tiếp tục trả đủ số tiền nợ cho anh Phạm Hữu T còn nếu như phát mãi tài sản cầm cố mà sau khi thanh toán nợ cho anh T xong còn thừa tiền lại thì anh D được nhận tiền thừa theo quy định của pháp luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn anh Trần Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $23.826.000đ \times 5\% = 1.191.300đ$, làm tròn là 1.191.000đ (Một triệu một trăm chín mươi một ngàn đồng).

Anh Phạm Hữu T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 550.000đ (Năm trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000738 ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 11/02/2025). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện U Minh Thượng;
- THADS huyện U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lư Quốc Thịnh